TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25**/2025/HSST
Ngày 06/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Duy Trí

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Lương Văn Hùng và ông Nguyễn Xuân Trường – Nguyên Phó Phòng giáo dục huyện Thường Tín.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thư ký Toà án;

- *Đại diện VKSND khu vực 11- Hà Nội tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 06/8/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 42/2025/HSST ngày 23/5/2025; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/HSST-QĐ ngày 18/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/HSST-QĐ ngày 30/6/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh ngày 15/5/2008, tên gọi khác: không; giới tính: Nam; HKTT và chỗ ở: Xóm 10, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định (Nay là xã HT, tỉnh Ninh Bình); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Phạm Văn H, sinh năm: 1968 và con bà Mai Thị T1, sinh năm: 1974; vợ, con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo được tại ngoại. (Có mặt tại phiên tòa).

*Người đại điện hợp pháp cho bị cáo là bà Mai Thị T1, sinh năm: 1974 (Mẹ đẻ T), HKTT và chỗ ở: Xóm 10, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định (Nay là xã HT, tỉnh Ninh Bình). (Có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T (*Thuộc diện người bị buộc tội từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi*) là ông Dương Công H1 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hà Nội. (Có mặt).

** Người bị hại:*

1. Anh Hoàng Đình S, sinh năm 1982, (đã chết). Người đại diện hợp pháp theo pháp luật là bà Lã Thị T2, sinh năm 1952 (mẹ đẻ S); người được bà T2 ủy quyền là ông Đào Công P, sinh năm 1982; đều HKTT tại: Tiểu khu ĐN, thị trấn

PX, huyện PX, thành phố Hà Nội. (Nay là xã PX, thành phố Hà Nội). (Có mặt bà T2, vắng mặt ông P).

2. Anh Phạm Hoàng S1, sinh ngày 28/5/2008, (đã chết). Người đại diện hợp pháp là ông Phạm Văn T3, sinh năm 1974, bà Trần Thị D, sinh năm 1981 là bố, mẹ đẻ của Phạm Hoàng S1 đều có hộ khẩu thường trú tại thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định (Nay là xã HT, tỉnh Ninh Bình). Người đại diện bà Lê Thị T4, sinh năm 1960, HKTT: Tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định, (Bà ngoại S1). (Vắng mặt)

3. Anh Trần Tuấn H2, sinh ngày 25/7/2008. Người đại diện theo pháp luật là ông Trần Văn D1, sinh năm 1980, Đều HKTT tai: Xóm E, thôn VL, xã HL, huyện HH, tỉnh Nam Định (Nay là xã HT, tỉnh Ninh Bình) (Bố đẻ H2). (Xin xét xử vắng mặt);

4. Anh Nguyễn Bảo T5, sinh ngày 30/9/2008, Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1978, Đều HKTT tại: Xóm TC, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định (Nay là xã HQ, tỉnh Ninh Bình) (Bố đẻ T5). (Xin xét xử vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Mai T.T, sinh năm 1974 (là mẹ đẻ của T); HKTT: thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định (Nay là xã HT, tỉnh Ninh Bình). (Có mặt).

2. Bà Lã Thị T2, sinh năm 1952 (mẹ đẻ S); người được bà T2 ủy quyền là ông Đào Công P, sinh năm 1982; đều HKTT tại: Tiểu khu ĐN, thị trấn PX, huyện PX, thành phố Hà Nội. (Nay là xã PX, thành phố Hà Nội). (Có mặt).

3. Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1974, bà Trần Thị D, sinh năm 1981 là bố, mẹ đẻ của Phạm Hoàng S1 đều có hộ khẩu thường trú tại thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định (Nay là xã HT, tỉnh Ninh Bình). Người đại diện là bà Lê Thị T4, sinh năm 1960, HKTT: Tổ dân phố 3, thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định (Bà ngoại S1). (Vắng mặt).

** Người làm chứng*: Anh Nguyễn Đức D2, sinh năm 2007; HKTT: thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định (Nay là xã HT, tỉnh Ninh Bình). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 25/7/2024, Phạm Văn T, sinh ngày 15 tháng 5 năm 2008, HKTT: thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định đã lấy xe mô tô BKS: 18H1- 678.29 của bà Mai T.T, sinh năm 1974 (là mẹ của T) đến nhà Phạm Hoàng S1, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2008, HKTT: thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định để chơi. Khi đến nhà S1 gặp Nguyễn Đức D2 (SN: 26/6/2007); Trần Tuấn H2 (SN: 25/7/2008) đều ở thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định và Nguyễn Bảo T5 (SN: 30/9/2008, HKTT: Xóm TC, xã HĐ, huyện HH, tỉnh Nam Định). Sau đó, S1 rủ T , D2, H2, T5 đi lên Hà Nội chơi bằng xe mô tô. Do không có xe mô tô để đi nên S1 nói với T "*Bạn cho tôi mượn xe, tôi đổ xăng cho*", T đồng ý đưa cho S1 mượn

chiếc xe mô tô BKS: 18H1-678.29. Sau đó, S1 lấy xe mô tô BKS: 18H1-678.29 để chở H2 và Thi, còn D2 điều khiển xe mô tô BKS: 18H1-739.07 chở T . Khoảng 0 giờ 15 phút ngày 26/7/2024, khi cả nhóm đi trên Quốc lộ 1A theo hướng Hà Nam - Hà Nội đến km 193+800 thuộc địa phận xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội, S1 điều khiển xe mô tô BKS: 18H1-678.29 đi lấn sang phần đường ngược chiều đâm vào xe mô tô BKS: 29Y3-199.29 do anh Hoàng Đình S (SN: 1982, HKTT: Xã Đại Đồng, thị trấn PX, huyện PX, TP Hà Nội) điều khiển đi theo hướng ngược chiều. Hậu quả: Anh Hoàng Đình S tử vong tại chỗ, Thi, H2, S1 bị thương được đưa đi cấp cứu đến ngày 28/7/2024, Phạm Hoàng S1 tử vong.

Qua khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường xảy ra tai nạn là tại km 193+800 Quốc lộ 1A thuộc địa phận xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Đoạn đường hai chiều có vạch kẻ sơn nét đứt màu vàng chia đôi hai chiều đường. Một bên đường giáp tuyến đường sắt Bắc Nam, một bên giáp ruộng, mặt đường rải nhựa rộng 10,50m, đoạn đường thẳng tầm nhìn không bị che khuất, lấy tâm ngã ba rẽ vào chùa Đậu làm mốc.

- Số 1 là vị trí xe mô tô BKS: 29Y3 - 199.29 tại hiện trường nằm đổ nghiêng sang trái, đầu xe hướng tuyến đường sắt Bắc Nam, đuôi xe hướng ruộng, đo từ đầu trục bánh trước đến mép đường chuẩn là 3,50m, đo từ đầu trục bánh trước đến tâm đường là 1,6m. Đo từ đầu trục bánh sau đến mép đường chuẩn là 4,10m, đo từ đầu trục bánh sau đến tâm đường là 01m. Đo từ đầu trục bánh trước xe 1 đến tâm ngã ba đường rẽ vào chùa Đậu là 24,6m.

- Số 2 là vị trí vết cà trượt tại hiện trường có diện 7,70m x 0,01m. Vết có chiều hướng theo chiều Hà Nam đi Hà Nội, đầu vết cách mép đường chuẩn là 2,60m, đầu vết cách tâm đường là 2,50m, cuối vết trùng với mép đường chuẩn và trùng với tâm vùng 5, cuối vết cách đầu trục bánh xe 3 là 1,90m.

- Số 3 Vị trí xe mô tô BKS: 18H1- 678.29 tại hiện trường nằm đổ nghiêng phải, đầu xe hướng Hà Nội, đuôi xe hướng Hà Nam. Đo từ đầu trục bánh trước đến mép đường chuẩn là 1,1m, đo từ đầu trục bánh trước đến tâm đường là 4m, đo từ đầu trục bánh sau đến mép đường chuẩn là 1,4m, đo từ đầu trục bánh sau đến tâm đường là 3,7m, đo từ đầu trục bánh sau xe 3 đến đầu trục bánh sau xe 1 là 15,50m.

- Số 4 Vị trí nạn nhân tại hiện trường nằm sấp ngang theo chiều đường, đầu quay hướng ruộng chân quay hướng tuyến đường sắt Bắc Nam, đầu đội mũ bảo hiểm nửa đầu, áo xanh , quần xanh. Đo từ đầu nạn nhân đến mép đường chuẩn là 5,65m, đo từ gót chân phải đến mép đường chuẩn là 4,35m, đo từ đầu nạn nhân đến đều trục bánh trước xe 1 là 2,10m.

- Số 5 vị trí vùng chất lỏng màu đỏ (nghi là máu) có diện 0,60m x 0,60m, tâm vết 5 trùng với mép đường chuẩn, đo từ tâm vết 5 đến đầu bánh sau xe 3 là 1,9m.

- Số 6 Cụm vết cày của xe 1 tại hiện trường đo từ đầu cụm vết cày đến tâm đường là 0,7m, cuối 6 trùng với trục bánh trước xe 1.

Tại bản Kết luận giám định tử thi số 992/995/KLGĐTT-TTPY ngày 08/8/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Hà Nội đối với anh Hoàng Đình S, kết luận: *Nhiều vết sây sát, bầm tím, rách da vùng đầu, mặt, ngực, bụng, hai tay, hai*

chân; Biến dạng vùng thái dương phải; Ngực mất vững; Biến dạng cổ tay phải; Biến dạng đùi, biến dạng cẳng chân phải. Do không mổ tử thi nên không kết luận được nguyên nhân chết. Mẫu máu của nạn nhân có Ethanol, nồng độ 166,37mg/100ml máu.

Tại bản Kết luận kết luận giám định tử thi số: 1022/1002/KLGĐTT-TTPY ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế Hà Nội đối với anh Phạm Hoàng S1, kết luận: *Vùng trán, đỉnh, thái dương, chẩm phải có vết mổ còn chỉ khâu; Sây sát da vùng chẩm bên phải; Vùng đỉnh trái có 01 nẹp vít bằng kim loại và 01 ống dẫn lưu; Sây sát da mi mắt; Sây sát, bầm tím da vùng ngực, bụng; Sây sát, bầm tím da hai tay; Sây sát da rải rác vùng lưng và thắt lưng; Rách da mặt sau đùi phải và mông phải; Sây sát da mặt ngoài đùi phải; Cắt cụt ½ dưới đùi phải, đã được làm mỏm cụt; Sây sát da chân trái. Do không mổ tử thi nên không kết luận được nguyên nhân chết. Mẫu máu của nạn nhân Phạm Hoàng S1 không tìm thấy Ethanol; không tìm thấy các chất ma túy.*

Tại bản Kết luận giám định số 6758 ngày 29/9/2024 của phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

- Dấu vết trượt miết, cong kim loại, bám dính chất màu đen (dạng cao su) trên diện (10x2)cm tại mặt ngoài phía trước phanh chân bên phải xe mô tô biển kiểm soát: 18H1 - 678.29, chiều hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới (Ảnh A3- A5 Bản ảnh giám định) phù hợp với dấu vết trượt xước, mất cao su màu đen trên diện (15x1,5)cm tại mặt ngoài bên phải lốp bánh trước xe mô tô biển kiểm soát: 29Y3 -199.29 (khi vị trí dấu vết ở phía trước trục bánh xe), chiều hướng từ ngoài mặt lăn vào tâm trục và ngược chiều chuyển động tiến của bánh xe (Ảnh B3-B5 - Bản ảnh giám định).

- Dấu vết trượt xước sơn, xước kim loại ở mặt ngoài bên phải xe mô tô biển kiểm soát: 18H1 - 678.29 (đầu tay lái, đầu tay phanh, chân gương chiếu hậu), chiều hướng từ trước ra sau (Ánh A6→A8 - Bản ảnh giám định) do va chạm với vật tày cứng (dạng mặt đường) tạo ra.

- Dấu vết trượt xước kim loại tại mặt ngoài bên trái giá bắt giữ chân chống phụ tự chê phía sau xe mô tô biên kiêm soát: 29Y3 - 199.29, chiêu hướng từ trước ra sau (Ảnh B6 - Bản ảnh giám định) do va chạm với vật tày cứng (dạng mặt đường) tạo ra.

Ngày 22, 23/9/2024, Cơ quan CSĐT - CA huyện Thường Tín đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với anh Trần Tuấn H2, anh Nguyễn Bảo T5 nhưng anh H2, anh T5 và người đại điện hợp pháp cho anh H2, anh T5 đều có đơn xin từ chối đi giám định thương tích nên không có căn cứ để xác định thương tích đối với anh H2, anh T5.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa Phạm Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm về tội "*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện*

tham gia giao thông đường bộ" quy định tại điểm a khoản 2 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 264; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú phối hợp cùng gia đình giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận mức chi phí mai táng anh Hoàng Đình S từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng; tiền nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh B từ 2.340.000 đồng đến 3.000.000 đồng/tháng, tính từ tháng 7/2024 đến khi cháu Hoàng Minh B trưởng thành (đủ 18 tuổi); bồi thường một khoản tổn thất tinh thần cho bà T2 từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng. Xét nguyên nhân, hậu quả và lỗi trong vụ tai nạn giao thông trên thì đề nghị Hội đồng xét xử buộc đại diện gia đình Phạm Hoàng S1 chịu trách nhiệm bồi thường thay cho S1 là 60% nếu S1 không có tài sản riêng hoặc có tài sản nhưng không đủ để bồi thường; bị cáo Phạm Văn T phải chịu 40% nếu T không có tài sản riêng hoặc có tài sản nhưng không đủ để bồi thường thì đại điện hợp pháp (bố, mẹ đẻ) của bị cáo phải bồi thay cho bị cáo.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều khoản đã truy tố đối với bị cáo. Người bào chữa chỉ nêu về độ tuổi, điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo dẫn đến nhận thức pháp luật và mọi mặt của bị cáo còn hạn chế; sau khi phạm tội đã cùng gia đình khắc phục một phần hậu quả đã gây ra và tại phiên tòa cũng đề nghị bồi thường trực tiếp cho đại điện gia đình người bị hại một khoản là 20 triệu đồng; đại diện hợp pháp của người bị hại Trần Tuấn H2 và Nguyễn Bảo T5 tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội nên đề nghị áp đề nghị áp dụng thêm Điều 54; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo mức thấp dưới khung hình phạt cũng đủ để cải tại, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

Đại diện hợp pháp của người bị hại thừa nhận đã nhận tiền bồi thường của đại diện gia đình bị cáo T một khoản là 05 triệu đồng. Tại phiên tòa đại điện gia đình bị cáo T đề nghị bồi thường tiếp một khoản 20 triệu đồng (tiền mặt) để khắc phục hậu quả nhưng bà T2 từ chối nhận và đề nghị tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát, tranh luận, phân tích về thế nào là tích cực khắc phục hậu quả để được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 cũng như căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự như người bào chữa cho bị cáo tranh luận và đề nghị. Đồng thời bảo lưu quan điểm như đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Về tố tụng: Về hành vi tố tụng, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Thường Tín, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (Nhất là đối với người phạm tội là người thuộc diện trợ giúp pháp lý). Quá trình điều tra bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Xét hành vi của bị cáo thì thấy: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo Phạm Văn T đã khai nhận T bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản hiện trường do Phạm Hoàng S1 gây ra, phù hợp với các kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 25/7/2024, Phạm Văn T (SN: 15/5/2008) đã lấy chiếc xe mô tô BKS: 18H1- 678.29 của bà Mai Thị T1 (mẹ đẻ T) giao cho Phạm Hoàng S1 (SN: 28/5/2008) không có giấy phép lái xe điều khiển chở Trần Tuấn H2 (SN: 25/7/2008) và Nguyễn Bảo T5 (SN: 30/9/2008) còn Nguyễn Đức D2 (SN: 26/6/2007) điều khiển xe mô tô BKS: 18H1-739.07 chở Phạm Văn T đi từ Nam Định lên Hà Nội chơi. Đến khoảng 0 giờ 15 phút ngày 26/7/2024, Phạm Hoàng S1 điều khiển xe mô tô, BKS: 18H1- 678.29 chở H2 và T5 đi trên Quốc lộ 1A theo hướng Hà Nam - Hà Nội còn D2 điều khiển xe mô tô chở T đi phía sau. Khi đến km 193 + 800 thuộc địa phận xã Hà Hồi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội do thiếu chú ý quan sát, S1 điều khiển xe mô tô BKS: 18H1-678.29 đi lấn sang phần đường ngược chiều đâm vào xe mô tô BKS: 29Y3-199.29 do anh Hoàng Đình S (SN: 1982, HKTT: Xã Đại Đồng, thị trấn PX, huyện PX, thành phố Hà Nội, nay là xã PX, thành phố Hà Nội) điều khiển đi theo hướng ngược chiều. Hậu quả: Anh Hoàng Đình S tử vong tại chỗ, Thi, H2, S1 bị thương được đưa đi cấp cứu đến ngày 28/7/2024, Phạm Hoàng S1 tử vong.

Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã vi phạm khoản 10 điều 8 Luật giao thông đường bộ nên đã phạm vào tội "*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 264 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 41a/CT-VKS TT ngày 23/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín (Nay là Viên kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà

Nội) truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "*Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ"* quy định tại điểm a khoản 2 Điều 264 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến trật tự an T giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản của khác được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân lỗi dẫn đến vụ tai nạn trên là do lỗi chủ quan của bị cáo vì bị cáo biết rõ Phạm Hoàng S1 chưa đủ tuổi và không có giấy phép lái xe mô tô nhưng vẫn giao xe mô tô cho S1 khi hỏi mượn. Vì vậy, cần có mức hình phạt nghiêm khắc, phù hợp với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung trong lĩnh vực vi phạm giao thông đường bộ. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đại diện hợp pháp của người bị hại Trần Tuấn H2 và Nguyễn Bảo T5 tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo là trẻ vị thành niên nên cần áp dụng thêm Điều 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy, bị cáo lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, là trẻ vị thành niên khi phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng. Căn cứ Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao (Hướng dẫn thi hành điều 65 Bộ luật Hình sự) cần cho bị cáo một cơ hội được cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, không ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an T xã hội trên địa bàn và cũng đủ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo là vị thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 264 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Qúa trình điều tra gia đình các nạn nhân anh Hoàng Đình S, Trần Tuấn H2, Nguyễn Bảo T5 không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa, Đại diện hợp pháp của anh Hoàng Đình S bà Lã Thị T2 yêu cầu bị cáo Phạm Văn T và những người có trách nhiệm bồi thường tiền mai táng phí cho anh S số tiền là 70.000.000 đồng, cấp dưỡng nuôi bà T2 là 2.000.000 đồng/tháng (từ tháng 7/2024 đến khi bà T2 qua đời) và nuôi cháu Hoàng Minh B là 3.000.000 đồng/tháng (từ tháng 7/2024 đến khi cháu Hoàng Minh B đủ 18 tuổi).

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với yêu cầu về mai táng phí gồm các khoản: Hỏa táng 18 triệu; Loa kèn 15 triệu; xây mộ 20 triệu; lễ cúng 5 triệu; phông bạt 5 triệu và xe vận chuyển anh S từ viện về 7 triệu). Tổng 70.000.000 đồng. Các khoản liên quan đến hỏa táng, chôn cất, lễ lạc tại địa bàn theo phong tục tại địa phương (không bao gồm tế lễ, xây mộ và ăn uống) cần chấp nhận một khoảng là 35.000.000 đồng.

Đối với khoản chi phí nuôi dưỡng cháu Hoàng Minh B là 3.000.000 đồng/tháng (từ tháng 7/2024 đến khi cháu Hoàng Minh B đủ 18 tuổi). Xét thấy: Năm 2017, anh Hoàng Đình S đã ly hôn chị Nguyễn Thị Vượng. Tại Quyết định số 111/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện PX đã giải quyết việc vợ chồng anh, chị được ly hôn. Về con chung: Giao con Hoàng Phương Linh, sinh 22/3/2013 cho chị Vượng và giao con Hoàng Minh B, sinh 06/8/2015 cho anh S được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Do vậy, yêu cầu cấp dưỡng đối với cháu Bảo trên là có căn cứ cần được chấp nhận. Xét về mức cấp dưỡng hàng tháng theo quy định của pháp luật thì không được thấp hơn tháng lương tối thiểu tại thời điểm. Căn cứ Nghị quyết 104/2023/NQ15 của Quốc Hội quy định về áp dụng tháng lương cơ bản được tính từ 01/7/2025 là 2.340.000 đồng. Xét về mức bình quân chung trên địa bàn thì cần chấp nhận mức cấp dưỡng 2.340.000 đồng/tháng/kể từ tháng 7 năm 2024 đến khi cháu Bảo (tròn18 tuổi) là đến tháng 8/2033 là 09 năm 01 tháng (tương đương 109 tháng). Như vậy, tổng số tiền cấp dưỡng cho cháu Bảo là 109 tháng x 2.340.000 đồng/tháng = 255.060.000 đồng.

Đối với khoản tiền nuôi dưỡng bà Lã Thị T2, sinh năm 1952 (mẹ đẻ anh S) 02 triệu đồng/tháng cho đến khi chết. Xét thấy: Mặc dù bà T2 là người cao tuổi, trước khi anh S (chết) bà T2 có sống với anh S. Nhưng trên thực tế ngoài anh S bà T2 còn 03 người con đẻ khác cũng đều đã trưởng thành. Tại phiên Tòa bà T2 xin rút đối với yêu cầu bồi thường trên nhưng bà đề nghị xem xét đền bù cho bà một khoản về tổn thất tinh thần do anh S là con trai duy nhất của bà (chết) nên được chấp nhận và cần buộc bị cáo và người liên quan bồi thường cho bà T2 một khoản tổn thất về tinh thần là 15 tháng lương cơ bản. 15 tháng x 2.340.000 đồng/tháng = 35.100.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền được chấp nhận bồi thường là: 35.000.000 đồng (Mai táng phí) + 255.060.000 đồng (nuôi dưỡng cháu Bảo) + 35.100.000 đồng (tổn thất tinh thần cho bà T2) = 325.160.000 đồng.

Xét về nguyên nhân, hậu quả, lỗi và trách nhiệm bồi thường thì thấy: Mặc dù bị cáo T không là người trực tiếp gây ra hậu quả trên nhưng là người gián tiếp biết S1 không có giấy phép lái xe, không đủ tuổi nhưng vẫn cho S1 mượn xe nên phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường. Do S1 điều khiển xe, lấn làn đường gây tai nạn (S1 đã tử vong) nên người đại diện hợp pháp của Phạm Hoàng S1 (bố, mẹ đẻ S1) phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thay S1 nếu S1 không có tài sản riêng. Phần liên đới của Phạm Văn T được xác định là 40% tương đương 130.064.000 đồng và đại diện gia đình Phạm Hoàng S1 là 60% tương đương 195.096.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 29Y3 - 199.29, quá trình điều tra xác định là của chị Hoàng Thị Chính (SN: 1979, HKTT: Thị trấn PX, huyện PX, TP Hà Nội) đã bán cho anh Hoàng Đình S nên Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô trên cho gia đình anh S. Đối với 01 chiếc xe mô tô BKS: 18H1- 678.29, quá trình điều tra xác định là của bà Mai Thị T1 (SN: 1974, HKTT: thị trấn C, huyện HH, tỉnh Nam Định là mẹ của T). Ngày 03/11/2024, Cơ quan điều tra đã trả lại

chiếc xe mô tô BKS: 18H1- 678.29 cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô cho bà T1 , bà T1 đã nhận lại xe không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt ra đẻ xem xét.

Trong vụ án này có các hành vi:

Đối với Hoàng Đình S điều khiển xe mô tô BKS: 29Y3-199.29 tham gia giao thông trong máu có nông độ cồn là 166,37mg Ethanol trong 100ml máu. Tuy nhiên, S đã tử vong nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Phạm Hoàng S1 điều khiển xe mô tô BKS: 18H1-678.29 không có giấy phép lái xe chở Trần Tuấn H2, Nguyễn Bảo T5 đi lấn sang phần đường ngược chiều đâm vào xe mô tô BKS: 29Y3-199.29 do anh Hoàng Đình S điều khiển dẫn đến anh S tử vong. Hành vi của S1 vi phạm vào khoản 1 điều 9 và khoản 9 điều 8 Luật Giao thông đường bộ (2008), nhưng do Phạm Hoàng S1 đã tử vong sau tai nạn nên không đề nghị xử lý.

Đối với bà Mai Thị T1 là người quản lý chiếc xe mô tô BKS: 18H1- 678.29. Tuy nhiên, ngày 25/7/2024 khi T lấy xe mô tô BKS: 18H1- 678.29 bà T1 không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo và người liên quan phải chịu án phí dân sự trong hình sự theo quy định; bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị cáo; người đại diện hợp pháp của người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội*:"Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ".*

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 264; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: **Phạm Văn T 09** (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **18** (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Văn T cho Ủy ban nhân dân xã HT, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng Hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 586 và Điều 591 Bộ luật Dân sự; Điều 8 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP.

Buộc bị cáo Phạm Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Lã Thị T2 tổng số tiền là 130.064.000 đồng. Được đối trừ 5.000.000 đồng (*Năm triệu*) đã bồi thường. Nay còn phải bồi thường tiếp số tiền

còn lại là **125.064.000** đồng (*Một trăm hai mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi tư ngàn đồng).* Trong trường hợp bị cáo Phạm Văn T không có tài sản riêng hoặc có tài sản nhưng không đủ để bồi thường khoản tiền nêu trên cho bà Lã Thị T2 thì ông Phạm Văn H và bà Mai Thị T1 (bố, mẹ đẻ bị cáo) có nghĩa vụ bồi nốt số còn lại bằng tài sản của mình theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Phạm Văn T3 và bà Trần Thị D (bố, mẹ đẻ Phạm Hoàng S1 người gây tai nạn – đã chết) có nghĩa vụ bồi thường cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Lã Thị T2 tổng số tiền là **195.096.000** đồng (*Một trăm chín mươi lăm triệu, không trăm chín mươi sáu ngàn đồng)* nếu trong trường hợp anh Phạm Hoàng S1 không có tài sản riêng hoặc có tài sản nhưng không đủ để bồi thường khoản tiền nêu trên cho bà Lã Thị T2 thì ông Phạm Văn T3 và bà Trần Thị D có nghĩa vụ bồi thường nốt số còn lại bằng tài sản của mình theo quy định của pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.253.200 *(Sáu triệu, hai trăm lăm mươi ba ngàn hai trăm)* đồng án phí dân sự trong hình sự. Ông Phạm Văn T3 và bà Trần Thị D phải chịu 9.754.800 *(Chín triệu, bảy trăm lăm mươi tư ngàn tám trăm)* đồng án phí dân sự trong hình sự.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo và bà Lã Thị T2 người đại diện hợp pháp của người bị hại (Có mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người bị hại, người dại diện hợp pháp của người bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (Vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo về những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKS thành phố Hà Nội;
-VKSND khu vực 11 - HN;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Phòng THADS KV 11 – HN;
-UBND xã HT, Ninh Bình;
- Bị cáo; người bị hại; người LQ;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Trí